

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/HS-ST**
Ngày: 11/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Phước và bà Phan Thị Thúy Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đình Phương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Trần Tuấn V (Tên gọi khác: Cu Đ)– sinh năm 1991 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn h, xã HQB, huyện P tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Cha không xác định, mẹ Trần Thị K, sinh năm 1966, vợ Võ Thị Kim T1, sinh năm 1995, con 02 người, sinh năm 2013 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T2 (Tên gọi khác: Th) – sinh năm 1998 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Cha Trần Văn T3, sinh năm 1970 (chết), mẹ Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1972, chị, em ruột 02 người sinh năm 1996 và 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

3. Trần Văn L (Tên gọi khác: U) – sinh năm 1999 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Thôn H, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Cha Trần Văn T3, sinh năm 1970 (chết), mẹ Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1972, chị, anh ruột 02 người sinh năm 1996 và 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Nguyễn N – Văn phòng Luật sư Nguyễn N, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: M, phường N, Tp. T, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Hà Hồ T4, sinh năm 1987; trú ở: Thôn N, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Võ Thị Kim Th, sinh năm 1995; trú ở: Thôn S, xã H, Tp. T, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1972; trú ở: Thôn H, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Phan Nhật T5, sinh năm 1984; trú ở: Thôn N, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Văn Th2, sinh năm 1984; trú ở: Thôn N, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Tạ Như Y, sinh năm 1991; trú ở: Thôn Q, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1999; trú ở: Thôn H, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh Tô Duy Đ, sinh năm 1987; trú ở: Thôn C, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

6. Anh Phạm Thanh Tr, sinh năm 1983; trú ở: Thôn N, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

7. Bà Trần Thị Khánh L2, sinh năm 1973; trú ở: Thôn HL, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

8. Ông Phạm Đình H, sinh năm 1959; trú ở: Thôn H, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

9. Ông Lương Công Th3, sinh năm 1974; trú ở: Thôn HL, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên tòa.

10. Anh Nguyễn Gia B, sinh năm 1999; trú ở: Thôn Q, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt tại phiên tòa.

11. Anh Nguyễn Trường C, sinh năm 1985; trú ở: Thôn N, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt tại phiên tòa.

12. Ông Trịnh Đức C, sinh năm 1987; trú ở: Thôn N, xã HQN, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/7/2019, Phạm Thanh Tr đang nhậu cùng với Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L, Tô Duy Đ và Nguyễn Gia B tại trại gà của Tr thuộc thôn N, xã HQN, huyện P thì Hà Hồ T4 gọi điện thoại cho Tr để hỏi lý do vì sao Tạ Như Y bị V, T2 và L đánh. V biết T2 gọi điện thoại cho Tr nên V gọi điện cho T4 để nói chuyện thì xảy ra mâu thuẫn và hẹn gặp tại quán cà phê Milano thuộc thôn H, xã HQB, huyện P để đánh nhau. Lúc này, V rủ T2, L đi đánh T4 thì T2 và L đồng ý. V cầm theo kiếm tự chế, T2 cầm dao mác và L cầm xẻng tại trại gà Tr, thấy vậy nên Tr can ngăn không cho đi đánh nhau nhưng không được nên tất cả cùng đi trên 02 xe mô tô đến quán Milano. Đ điều khiển xe mô tô 78E1-257.01 chở V và L, B điều khiển xe mô tô 78E1-364.50 chở T2 và Tr đi đến điểm hẹn.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm đi đến quán Milano, Đ và B đứng bên kia đường cách quán khoảng 13-14 mét còn V, T2, L và Tr đi bộ vào quán Milano thì gặp Hà Hồ T4, Tạ Như Y đang ngồi trong quán cùng với Phan Nhật T5, Phạm Văn Th2 đều trú thôn N, xã HQN, huyện P, V cầm kiếm đến thách đố đánh nhau với T4, T4 cầm rựa và bình xịt hơi cay thách đố lại V, Tr chạy vào can ngăn nên không đánh được T4. Thấy Y cầm dao trên tay, T2 cầm dao mác thách thức đánh nhau với Y còn L cầm xẻng đứng sau lưng của T2. Khi Y và T2 bỏ hung khí xuống để đánh nhau bằng tay, V cầm kiếm đánh Y, Y bỏ chạy, T2 nhặt cây dao của Y cùng V rượt đuổi theo, Y chạy ra sau quán trốn nên V và T2 cầm hung khí tiến lại chỗ T4 nên Tr chạy đến đứng giữa can ngăn nhưng V vẫn dùng kiếm chém vào người của T4 01 cái trúng vào tay trái và 01 cái trúng vào mặt của T4 gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 225/TgT ngày 25/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Thương tích của Hà Hồ T4 là 22%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 316/TgT ngày 30/10/2019 “bổ sung” của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Thương tích của Hà Hồ T4 là 39%.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-PH ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH đã truy tố các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2 và Trần Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên tòa sau khi phân tích mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Tuyên bố các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2 và Trần Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS đối với các bị cáo V, T2, L; Điều 65 BLHS đối với bị cáo L. Xử phạt:

Bị cáo Trần Tuấn V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/01/2021.

Bị cáo Trần Văn T2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/01/2021.

Bị cáo Trần Văn L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo Lim cho gia đình và địa phương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định.

Đối với Phạm Thanh Tr biết Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L lấy hung khí tại trại gà của mình để đi đánh nhau nhưng Tr không đồng ý và tích cực can ngăn nên Tr không đồng phạm với V, T2, L. Quá trình can ngăn, Tr khai bị T2 chém bị thương ở tay nhưng vết thương nhẹ, không yêu cầu xử lý nên không xem xét.

Đối với Tô Duy Đ và Nguyễn Gia B có nhậu chung tại trại gà của Tr và cùng đi đến quán Milano với V, T2, L và Tr nhưng không vào quán mà đứng bên kia đường cách quán khoảng 14 mét nên diễn biến sự việc xảy ra thách thức rồi đánh nhau tại quán như thế nào Đ, B không biết, hơn nữa khi đi đánh nhau V không rủ B và Đ cùng tham gia đánh T4. Do đó, không đủ cơ sở chứng minh Đ, B đồng phạm với bị cáo V gây ra thương tích cho T4.

+ Về phần dân sự: Các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2 và Trần Văn L đã bồi thường cho bị hại Hà Hồ T4 số tiền 210.000.000 đồng, bị hại có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xét.

+ Về xử lý vật chứng vụ án và đồ vật thu giữ: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS), đề nghị:

- Tuyên trả lại: Xe mô tô 78E1-257.01 cho bà Lê Thị Mỹ L1; xe mô tô 78E1-364.50 cho bị cáo Trần Văn L; 01 điện thoại hiệu Vivo 1806 màu đen cho bị cáo Trần Văn T2.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần Tuấn V.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án hình sự 02 (hai) đĩa DVD.

Bị cáo Trần Tuấn V khai nhận quá trình giải quyết vụ án bị ép cung, mớm cung, Điều tra viên làm việc chưa công bằng, khách quan nhưng không khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra. Bị cáo thừa nhận chỉ gây thương tích ở tay của bị hại T4, không thừa nhận gây thương tích ở vùng mặt bị

hại T4 và không thừa nhận rủ bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn L cùng đi đánh bị hại T4 mà tự bản thân T2, L hưởng ứng đi đánh nhau.

Bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn L khai nhận quá trình giải quyết vụ án không bị ép cung, nhục hình, các bản khai và bản tự khai đều tự nguyện. Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và khẳng định cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là đúng, không bị oan. Các bị cáo khẳng định tại trại gà của Tr, sau khi gọi điện thoại cho T4 thì V rủ hai bị cáo T2, L cùng đi đánh T4. Diễn biến tại quán Milano như cáo trạng nêu.

Bị hại Hà Hồ T4 trình bày phù hợp với bản cáo trạng và xác định cả hai vết thương ở tay và vùng mặt đều do bị cáo V gây ra.

Người làm chứng Tô Duy Đ xác định vết thương ở vùng mặt của bị hại T4 là do T2 gây ra.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn T2 tranh luận: Qua Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố và tại phiên tòa xác định được vết thương ở vùng mặt của bị hại là do bị cáo V trực tiếp gây ra, đề nghị HĐXX xem xét vai trò của bị cáo T2 khi lượng hình và áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm e, b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo T2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và đề nghị tuyên trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo T2 vì không liên quan đến việc phạm tội.

Kiểm sát viên đối đáp: Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không chấp nhận đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với bị cáo T2 theo đề nghị của Luật sư.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 09/2021/ HSST-QĐ ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân huyện P trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện P để điều tra bổ sung làm rõ, xem xét vai trò đồng phạm của Tô Duy Đ và Nguyễn Gia B vì B, Đ cùng nhậu tại trại gà, điều khiển xe chở các bị cáo và Tr đến quán Milano và Tr khai chỉ mình Tr can ngăn còn lại đều đồng ý cùng đi đến vị trí hẹn đánh nhau. Sau khi điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định không có yếu tố đồng phạm.

Do đó, HĐXX chỉ tiến hành xét xử đối với các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố theo giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 BLTTHS.

[1.2] Tại phiên tòa, một số người làm chứng vắng mặt nhưng các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu tiếp tục xét xử và HĐXX thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử. Mặt khác, tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo Trần Tuấn V khai quá trình giải quyết vụ án bị ép cung, mớm cung, Điều tra viên làm việc chưa công bằng, khách quan nhưng không khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2] Về tội danh, khung hình phạt:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn V cho rằng bị cáo chỉ gây thương tích ở tay của bị hại T4, không nhận gây thương tích ở vùng mặt bị hại T4 và không thừa nhận rủ bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn L cùng đi đánh bị hại T4 thì thấy:

Theo lời khai của các bị cáo V, T2, L, bị hại T4 cho thấy các bị cáo, bị hại và người làm chứng liên tục thay đổi lời khai, lời khai trước sau mâu thuẫn nhau và mâu thuẫn với chính lời khai của mình. Người làm chứng Tô Duy Đ trình bày bị cáo T2 là người gây thương tích cho bị hại ở vùng mặt. Tuy nhiên, bị hại Hà Hồ T4 xác định cả hai vết thương đều do bị cáo V gây ra, phù hợp với lời khai ban đầu, kết quả thực nghiệm điều tra ban đầu nên đủ căn cứ xác định bị cáo V đã gây thương tích cho bị hại T4 39%.

[2.2] Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 21/7/2019, Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L chuẩn bị công cụ kiếm tự chế, dao mác, xẻng cùng nhau đi đến quán Milano ở thôn H, xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên để đánh nhau với Hà Hồ T4, bị cáo Trần Tuấn V dùng kiếm (là hung khí nguy hiểm) chém 02 cái vào tay và mặt của bị hại T4 gây thương tích 39%. Hành vi của các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Cáo trạng truy tố các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và hình phạt:

[3.1] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp thân thể, sức khỏe người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo chuẩn bị và mang theo hung khí, hung hăng xông vào quán Milano thách đố và đánh, chém người khác là rất manh động, nguy hiểm, đã xâm phạm đến sức khỏe bị

hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm đề rắn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, tuy bị cáo Trần Tuấn V không thừa nhận là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác nhưng qua lời khai của bị cáo (tại các bút lục 37, 39, 49, 53, 55), của Phạm Thanh Tr (tại các bút lục 843-846; 849-850), lời khai của các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn L tại phiên tòa có cơ sở xác định Trần Tuấn V là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác và bị cáo V là người trực tiếp dùng kiếm chém vào bị hại T4 gây thương tích, mặc dù đã được Phạm Thanh Tr can ngăn nên có vai trò cao nhất.

Bị cáo Trần Văn T2 có hành vi cầm máy chủ động thách thức đánh nhau với Tạ Như Y trong khi tại thời điểm này giữa nhóm bị cáo và Y không có mâu thuẫn, sau khi Y bỏ chạy T2 nhặt dao của Y cùng V rượt theo, hỗ trợ cho bị cáo V chém bị hại; bị cáo L tuy không đánh ai nhưng đứng đằng sau T2 với mục đích hỗ trợ, giúp sức cho đồng bọn đánh nhau và cùng thống nhất khi được V rủ đi đánh nhau nên hai bị cáo tham gia vụ án với vai trò là đồng phạm giúp sức, bị cáo T2 có vai trò cao hơn bị cáo L.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L đã tích cực bồi thường cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi. Bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn L trong quá trình điều tra, truy tố thay đổi lời khai nhưng sau đó đã khai báo rõ ràng, tại phiên tòa, các bị cáo đã công nhận Cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo V cũng đã khai nhận có chém gây thương tích cho bị hại được xem là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo V, T2, L có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội cũng có một phần lỗi của bị hại khi cùng thách thức, chuẩn bị hung khí, hẹn đến địa điểm đánh nhau nên HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt bị truy tố để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, phấn đấu cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án này bị cáo Trần Văn T2 và Trần Văn L, là anh em ruột, cha đã chết, bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương và để đảm bảo chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước ta, HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo để phấn đấu, tự cải tạo.

Đề xuất của Luật sư bào chữa cho bị cáo T2 về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS khi bị hại

chưa có hành vi trái pháp luật là không có cơ sở và đề nghị cho bị cáo T2 được hưởng án treo là không phù hợp.

[4] Đối với Nguyễn Gia B và Tô Duy Đ, Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để xem xét vai trò đồng phạm nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nên HĐXX không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2 và Trần Văn L đã bồi thường cho bị hại Hà Hồ T4 số tiền 210.000.000 đồng, bị hại có đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét. Toàn bộ số tiền này là của bị cáo V bồi thường thay cho phần của bị cáo T2 và bị cáo L, tại phiên tòa bị cáo V không có yêu cầu xem xét trách nhiệm hoàn trả, đây là ý chí của bị cáo. Trường hợp giữa các bị cáo không thống nhất với nhau về trách nhiệm hoàn trả sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Xử lý vật chứng vụ án: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn V **02** (Hai) năm **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/01/2021.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T2 **02** (Hai) năm **03** (Ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/01/2021.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L **02** (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **04** (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn L cho UBND xã HQB, huyện P, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo

quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Tuyên trả lại: Xe mô tô 78E1-257.01 cho bà Lê Thị Mỹ L1; xe mô tô 78E1-364.50 cho bị cáo Trần Văn L; 01 điện thoại hiệu Vivo 1806 màu đen cho bị cáo Trần Văn T2.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần Tuấn V.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P lập ngày 28/8/2020).

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án hình sự 02 (hai) đĩa DVD.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Trần Tuấn V, Trần Văn T2, Trần Văn L phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. P;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- CC THADS H. P;
- Công an huyện P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Nhật

